

THỰC TRẠNG DẠY HỌC HỌC PHẦN “TẬP GIẢNG” CHO SINH VIÊN KHOA HÓA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐÀO THỊ HOÀNG HOA*

TÓM TẮT

Bài viết này nhằm tìm hiểu thực trạng dạy học học phần Tập giảng, qua đó đánh giá chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) của sinh viên (SV) sư phạm Hóa học thông qua học phần này. Mục đích của việc đánh giá là nhằm (1) phản hồi cho SV về cách học tập qua đó hỗ trợ và thúc đẩy việc học tập của SV; (2) phản hồi cho giảng viên (GV) đứng lớp và GV các khóa sau về chất lượng dạy học học phần; (3) đảm bảo chất lượng của học phần. Các ý kiến đánh giá được thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu và khảo sát định tính đối với 41 SV sư phạm năm 3 khoa Hóa, Đại học Sư phạm TPHCM trong năm học 2011-2012.

Từ khóa: đánh giá, dạy học, Tập giảng, hóa học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

ABSTRACT

The reality of teaching and learning the ‘microteaching practice’ course for chemistry students in HCMC University of Education

The purpose of this study is to examine the reality of teaching and learning the “microteaching practice” course, then make an evaluation of the pedagogical training of chemistry pre-service teachers. The evaluation aims to (1) give students effective feedback in order to support and stimulate their study; (2) give lecturers feedback on the Course practice; (3) ensure the quality of the Course. The qualitative study is carried out with third-year chemistry students in Chemistry Department, HCMC University of Education in the school year 2011-2012.

Keywords: evaluation, teaching, micro/peer teaching, chemistry, pedagogical training.

1. Đặt vấn đề

Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV sau khi giảng dạy các môn học là một công việc có ý nghĩa quan trọng thể hiện sự tương tác hai chiều của quá trình dạy học. Việc làm này không những góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong các trường đại học mà còn tạo điều kiện để người học có thể phản ánh tâm tư nguyện

vọng đối với việc học tập, qua đó cung cấp thêm thông tin giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao trách nhiệm của người dạy trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo. Đối với các trường đại học lớn trên thế giới, công việc này là bắt buộc để đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Ở nước ta, dựa trên cơ sở hai công văn 1276/BGDĐT-NG ban hành ngày 20/02/2008 và 9145/BGDĐT-NGCBQLGD ban hành ngày 14/10/2009 [2,3] của Bộ trưởng Bộ

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và báo cáo thực hiện việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy, có thể xem đây là một chủ trương lớn của Bộ Giáo dục – Đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy học ở các cơ sở giáo dục đại học. Góp phần thực hiện chủ trương này, Khoa Hóa Đại học Sư phạm TPHCM đã tiến hành điều tra lấy ý kiến của SV sau khi học xong các học phần về phương pháp giảng dạy, trong đó có học phần Tập giảng. Đây là học phần đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho SV ngành Hóa học.

Sau khi tổng hợp và phân tích, kết quả điều tra sẽ được sử dụng nhằm (1) phản hồi cho SV về cách học tập qua đó hỗ trợ và thúc đẩy việc học tập của SV; (2) phản hồi cho GV đứng lớp và GV các khóa sau về chất lượng dạy học học phần từ đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy; và (3) đảm bảo chất lượng của học phần.

2. Vị trí và nội dung học phần Tập giảng

2.1. Vị trí học phần

Học phần Tập giảng được giảng dạy ở học kỳ I năm 3 trong chương trình đào tạo giáo viên Hóa học tại trường Đại học Sư phạm TPHCM. Mục đích của học phần là thực hành rèn luyện NVSP tổng hợp cho SV bao gồm các kỹ năng đứng lớp (viết bảng, sử dụng lời nói, quản lý lớp học, tổ chức các hoạt động dạy học...), kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng đánh giá và kỹ năng sử dụng công nghệ dựa trên nền tảng lý luận về phương pháp dạy học đã được học trước đó. Học phần là bước chuẩn bị quan trọng về NVSP

cho đợt Thực tập sư phạm lần 1 tại các trường phổ thông của SV năm 3 khoa Hóa học.

2.2. Nội dung học phần

2.2.1. Tổ chức dạy học

Học phần có thời lượng 30 tiết, trong đó có một nửa thời gian là SV tự học theo nhóm. Mỗi lớp gồm khoảng 20 SV được chia thành 5 nhóm. Các thành viên trong nhóm sẽ làm việc chung với nhau trong suốt học phần.

Có 5 chủ đề tập giảng bao gồm: 1) *Bài lên lớp truyền thụ kiến thức mới - Các học thuyết và định luật Hóa học*; 2) *Bài lên lớp truyền thụ kiến thức mới - Chất cụ thể (Hóa vô cơ)*; 3) *Bài lên lớp truyền thụ kiến thức mới - Chất cụ thể (Hóa hữu cơ)*; 4) *Bài luyện tập*; 5) *Bài thực hành*. Đối với mỗi chủ đề, các thành viên trong nhóm sẽ chọn những bài học trong sách giáo khoa liên quan đến chủ đề đó để soạn giáo án, và luân phiên tập giảng thử với nhau trong nhóm. Sau đó, trong giờ học chính thức, GV sẽ yêu cầu một thành viên mỗi nhóm tập giảng trước lớp trong thời gian 15 – 20 phút một phần bài học mà SV đã tập giảng trước đó trong giờ học nhóm.

2.2.2. Kiểm tra đánh giá

Trong học phần, GV kết hợp toàn diện đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện bằng việc đánh giá phần giảng một nội dung bất kỳ do GV chỉ định trong các giáo án đã soạn của SV trong thời gian 15 – 20 phút. Trong khi đánh giá cuối kỳ tương đối đơn giản, đánh giá quá trình đặc biệt được chú trọng thông qua việc sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng bao

gồm đánh giá của GV, đánh giá bạn học và tự đánh giá [1]; và các công cụ đánh giá khác như bảng tiêu chí và ghi chép diễn biến bài giảng.

Đánh giá của bạn học: Khi một SV tiến hành tập giảng trong nhóm, các SV còn lại sẽ đóng vai trò là học sinh đồng thời là những quan sát viên có nhiệm vụ quan sát, ghi chép diễn biến bài giảng và phản hồi cho SV đó dựa trên các tiêu chí mà GV đã đặt ra ngay từ đầu.

Tự đánh giá: GV yêu cầu mỗi SV tự đánh giá các mặt mạnh và những điểm cần cải tiến của bản thân sau mỗi phần tập giảng, và tự cho điểm phần giảng dạy đó.

Đánh giá của GV: GV đánh giá SV trên các phương diện:

a. Chuẩn bị bài giảng: thông qua kiểm tra giáo án và đánh giá việc chuẩn bị các phương tiện dạy học. GV cũng quản lý việc học nhóm bằng cách dự giờ học nhóm đột xuất và kiểm tra các biên bản ghi chép bài giảng của các thành viên trong nhóm;

b. Trình bày bài giảng: GV đánh giá phần tập giảng của các SV dựa trên các tiêu chí đã đề ra;

c. Đánh giá bài giảng : GV đánh giá SV dựa trên khả năng đánh giá bạn học và tự đánh giá.

Các hình thức đánh giá trên có chức năng cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học cho cả GV và SV, từ đó vạch ra các bước tiếp theo cần thực hiện

để nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP [4].

3. Phương pháp và kết quả hoạt động lấy ý kiến của SV sau khi học xong học phần

3.1. Phương pháp

Để thu thập ý kiến của SV sau khi học xong học phần Tập giảng, chúng tôi sử dụng phiếu điều tra trực tuyến trên trang www.surveymonkey.com. GV gửi email và đường dẫn trang web và mời SV tham gia trả lời. Đối tượng điều tra là 41 SV sư phạm năm 3 khoa Hóa, Đại học Sư phạm TPHCM trong học kỳ I năm học 2011-2012. Phiếu điều tra yêu cầu SV cho ý kiến về các vấn đề: *Nhận xét tổng quan về học phần, Hướng dẫn dạy học và đánh giá của GV, Khả năng về NVSP sau khi hoàn thành học phần và Hiệu quả của học phần.*

Giá trị trung bình trong bảng kết quả được tính như sau. Ví dụ ở phần A, mục 1, các lựa chọn Đồng ý, Không chắc, Không đồng ý được gán các giá trị tăng dần lần lượt là 1,2,3. $Trung\ bình = \frac{\sum (số\ người\ lựa\ chọn\ mục\ x * giá\ trị\ của\ mục\ x)}{tổng\ số\ người}$. Như vậy $Trung\ bình = \frac{(39*1+0*2+1*3)}{(39+0+1)} = 1.05$. Trị số 1.05 chứng tỏ kết quả thu được nghiêng về phía bên trái của lựa chọn "Không chắc", tức là gần với lựa chọn "Đồng ý" (có giá trị được gán là 1).

3.2. Kết quả

Bảng 1. Nhận xét khái quát về học phần Tập giảng

Nhận xét của sinh viên	Đồng ý (1)	Không chắc (2)	Không đồng ý (3)	Trung bình	Số người trả lời
1. Mục tiêu của học phần rõ ràng với tôi.	97,5% (39)	0,0% (0)	2,5% (1)	1,05	40
2. Nguồn tài liệu tham khảo giúp ích cho tôi.	77,5% (31)	17,5% (7)	5,0% (2)	1,28	40
3. Thời khóa biểu hợp lí.	87,5% (35)	12,5% (5)	0,0% (0)	1,13	40
4. Thời lượng dành cho học phần hợp lí.	65,0% (26)	15,0% (6)	20,0% (8)	1,55	40
5. Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng được cho việc dạy và học học phần.	15,0% (6)	62,5% (25)	22,5% (9)	2,08	40

Bảng 2. Hướng dẫn dạy học và đánh giá của GV

Nhận xét của sinh viên	Rất đúng (1)	Đúng (2)	Không chắc (3)	Không đúng (4)	Trung bình	Số người trả lời
1. Hướng dẫn học phần của GV rõ ràng, hợp lí.	37,5% (15)	62,5% (25)	0,0% (0)	0,0% (0)	1,63	40
2. Phương pháp dạy học của GV hợp lí.	25,6% (10)	69,2% (27)	5,1% (2)	0,0% (0)	1,79	39
3. Khối lượng công việc SV cần làm hợp lí.	25,0% (10)	67,5% (27)	5,0% (2)	2,5% (1)	1,85	40
4. Nội dung bài soạn giảng trong các tuần học là bao quát chương trình và hợp lí.	27,5% (11)	67,5% (27)	5,0% (2)	0,0% (0)	1,78	40
5. Tôi học được nhiều từ NVSP của GV.	32,5% (13)	60,0% (24)	5,0% (2)	2,5% (1)	1,78	40
6. GV hiểu biết nhiều về lĩnh vực chuyên môn.	42,5% (17)	55,0% (22)	2,5% (1)	0,0% (0)	1,60	40
7. Tôi thấy các đánh giá, phản hồi của GV là có hiệu quả trong việc rèn luyện NVSP.	41,0% (16)	56,4% (22)	2,6% (1)	0,0% (0)	1,62	39
8. Tôi nhận được các phản hồi mang tính xây dựng (từ GV và bạn học) cho bài giảng của tôi.	55,0% (22)	40,0% (16)	5,0% (2)	0,0% (0)	1,50	40

Bảng 3. Khả năng về NVSP sau khi hoàn thành học phần

Chuẩn bị bài giảng	Rất đúng (1)	Đúng (2)	Không chắc (3)	Không đúng (4)	Trung bình	Số người trả lời
1. Học phần đã giúp tôi biết soạn các kiểu bài lên lớp khác nhau.	27,5% (11)	67,5% (27)	5,0% (2)	0,0% (0)	1,78	40
2. Tôi biết cách sử dụng các thiết bị dạy học và các nguồn tài liệu tham khảo giảng dạy cho các kiểu bài khác nhau.	22,5% (9)	65,0% (26)	12,5% (5)	0,0% (0)	1,90	40
Trình bày bài giảng						
1. Tôi biết cách định hướng bài giảng (ổn định lớp, liên hệ với bài học trước đó hay sau này).	23,1% (9)	71,8% (28)	5,1% (2)	0,0% (0)	1,82	39
2. Tôi biết cách nhấn mạnh nội dung chính, chủ đề trọng tâm của bài giảng.	25,0% (10)	55,0% (22)	20,0% (8)	0,0% (0)	1,95	40
3. Tôi biết cách sử dụng bài tập, tóm tắt mục và tổng kết bài tại thời điểm phù hợp.	10,0% (4)	70,0% (28)	20,0% (8)	0,0% (0)	2,10	40
4. Tôi có thể trình bày nội dung bài học theo trình tự logic, có sự chuyển hợp lí từ hoạt động học tập này sang hoạt động học tập khác.	22,5% (9)	60,0% (24)	17,5% (7)	0,0% (0)	1,95	40
5. Tôi có thể sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, hợp lí.	17,5% (7)	60,0% (24)	22,5% (9)	0,0% (0)	2,05	40
6. Tôi có thể nhận biết và nêu lên được các nhầm lẫn thường gặp của học sinh trong bài học đó.	2,5% (1)	55,0% (22)	42,5% (17)	0,0% (0)	2,40	40
7. Tôi có thể trình bày kiến thức chính xác, cập nhật và liên hệ với thực tế cuộc sống.	17,5% (7)	52,5% (21)	30,0% (12)	0,0% (0)	2,13	40
8. Tôi có thể nắm bắt toàn bộ diễn biến trong lớp học.	12,5% (5)	57,5% (23)	30,0% (12)	0,0% (0)	2,18	40
9. Tôi có thể cung cấp phản hồi tích cực và phù hợp cho học sinh của mình.	22,5% (9)	52,5% (21)	25,0% (10)	0,0% (0)	2,03	40
10. Tôi có thể đưa ra các chỉ dẫn học tập rõ ràng và chính xác, hợp logic.	7,5% (3)	72,5% (29)	20,0% (8)	0,0% (0)	2,13	40
11. Học phần giúp tôi cải thiện kĩ	50,0%	47,5%	2,5% (1)	0,0% (0)	1,53	40

năng dùng lời.	(20)	(19)				
12. Học phần giúp tôi cải thiện kỹ năng viết bảng.	50,0% (20)	45,0% (18)	5,0% (2)	0,0% (0)	1,55	40
Đánh giá bài giảng						
1. Tôi biết cách xem xét và phân tích cực đối với lời khuyên của GV hướng dẫn và đồng nghiệp đối với bài giảng của mình	32,5% (13)	55,0% (22)	12,5% (5)	0,0% (0)	1,80	40
Tôi có thể tự đánh giá, nhìn ra những điểm mạnh và yếu của bản thân trong việc giảng dạy	35,0% (14)	55,0% (22)	10,0% (4)	0,0% (0)	1,75	40

Bảng 4. Hiệu quả của học phần

Nhận xét của sinh viên	Đồng ý (1)	Không chắc (2)	Không đồng ý (3)	Trung bình	Số người trả lời
1. Tôi sẽ sử dụng những gì được học vào nghề nghiệp tương lai của tôi.	100,0% (40)	0,0% (0)	0,0% (0)	1,00	40
2. Tôi thấy học phần có hiệu quả trong việc rèn luyện NVSP.	97,5% (39)	0,0% (0)	2,5% (1)	1,05	40
3. Học phần giúp tôi tự tin hơn trong nghề nghiệp tương lai của mình.	87,5% (35)	12,5% (5)	0,0% (0)	1,13	40
4. Học phần đã giúp tôi biết được thêm nhiều kỹ năng dạy học.	95,0% (38)	5,0% (2)	0,0% (0)	1,05	40
5. Học phần giúp tôi thay đổi thái độ về nghề dạy học (tích cực hơn, năng động hơn).	80,0% (32)	20,0% (8)	0,0% (0)	1,20	40
6. Nói chung, tôi thỏa mãn với chất lượng của học phần.	87,5% (35)	10,0% (4)	2,5% (1)	1,15	40

Các nhận xét mở trong mục Ý kiến khác sẽ được xem xét, trích dẫn trong phần Phân tích, thảo luận và đánh giá.

3.3. Phân tích, thảo luận và đánh giá

3.3.1. Nhận xét khái quát về học phần

Đa số SV khi nhận xét tổng quát về học phần đều đồng ý rằng học phần đưa ra mục tiêu rõ ràng (97,5%), có thời khóa

biểu phù hợp (87,5%) và cung cấp nguồn tài liệu tham khảo có ích (77,5%).

Nhiều SV (65%) cũng đánh giá thời lượng dành cho học phần là hợp lí, tuy nhiên bên cạnh đó cũng có một tỉ lệ khá cao là không chắc (15%) và không đồng tình (20%) với ý kiến này. Cụ thể, nhiều SV nói rằng “thời gian dành cho học

phần này hơi ít, SV cần nhiều thời gian để học hỏi và trao đổi nhiều hơn”. Nhưng cũng có em cho rằng vấn đề không phải ở thời gian: “thời lượng học phần dù có tăng gấp đôi cũng không thể nào đủ; vì để cải thiện từ một SV bỡ ngỡ bước đầu trên bục giảng đến một giáo viên hoàn thiện kỹ năng đứng lớp không phải chuyện một sớm một chiều... nên em thiết nghĩ Khoa và nhà trường nên tạo điều kiện về cơ sở vật chất tốt hơn để SV có thể tự tập giảng, tự rèn luyện”.

Về cơ sở vật chất, có tới 85% SV cho rằng cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng được cho việc dạy và học học phần. Nhiều SV phàn nàn về việc “phòng học nhỏ, không có bục giảng, mượn máy chiếu khó khăn do thiếu máy”, “phòng học môn này không có máy chiếu, phải đi mượn và di chuyển lên đến lầu 3 rất khó” hay “nếu tập giảng ở nhà thì không có bảng hay bảng nhỏ... nếu lên phòng của trường hay KTX thì lại bị đuổi” và mong muốn rằng “trong thời gian tới nhà trường sẽ trang bị đầy đủ hơn”.

Tóm lại, trong khi SV tương đối hài lòng với mục tiêu, thời khóa biểu và tài liệu tham khảo của học phần thì thực trạng cơ sở vật chất của nhà trường cũng như thời lượng dành cho học phần vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu rèn luyện NVSP của SV. Điều này cần được sự quan tâm nhiều hơn nữa từ phía nhà trường và các tổ bộ môn.

3.3.2. Hướng dẫn dạy học và đánh giá của GV

Đại đa số SV đồng ý với các ý kiến cho rằng *hướng dẫn học phần, phương pháp dạy học của GV, khối lượng công*

việc SV cần làm, nội dung bài soạn giảng trong các phần học là hợp lý ($\geq 92,5\%$ cho là đúng và rất đúng). SV cũng nhìn nhận GV hiểu biết nhiều về lĩnh vực chuyên môn (97,5% SV) và bày tỏ đã học được nhiều từ NVSP của GV (92,5% SV). Bên cạnh đó, SV cũng đánh giá cao các phản hồi đánh giá của GV và bạn học cho bài giảng của mình (95% SV), chẳng hạn “chúng em học được nhiều điều thông qua việc đánh giá bài giảng trên lớp của cô” và cho rằng chúng có hiệu quả trong việc rèn luyện NVSP (97,5%), như lời của một bạn SV “qua học phần này, cũng như là qua những nhận xét, góp ý của cô và các bạn trong mỗi phần mà em lên giảng, em đã học tập được rất nhiều và thấy rằng những nhận xét đó rất cần thiết để em có thể hoàn thiện bài giảng của mình tốt hơn, chuẩn bị tốt cho những bài giảng sau”.

Ti lệ tán thành với các ý kiến khảo sát đều khá cao cho thấy việc tổ chức, hướng dẫn học phần cũng như phương pháp dạy học của GV đều có hiệu quả tốt đối với việc rèn luyện NVSP. Đặc biệt, việc GV chú trọng vào các phương pháp đánh giá đa dạng và toàn diện nhằm đưa ra các phản hồi tích cực và mang tính xây dựng cho SV đều được SV đánh giá cao, cho thấy chúng nên được phát huy trong các năm học tiếp theo.

3.3.3. Khả năng về NVSP sau khi hoàn thành học phần

Kết quả điều tra cho thấy học phần đã có hiệu quả trong việc rèn luyện các nghiệp vụ chuẩn bị, trình bày và đánh giá bài giảng cho SV, dù với các mức độ khác nhau.

Thứ nhất, sau khi hoàn thành học phần, khả năng chuẩn bị bài giảng của SV có thể được đánh giá là khả quan với 95% đồng ý rằng học phần giúp họ *biết soạn các kiểu bài lên lớp khác nhau* và 87,5% cho rằng họ *biết cách sử dụng thiết bị dạy học và các nguồn tài liệu tham khảo giảng dạy cho các kiểu bài khác nhau*.

Thứ hai, trong số các kỹ năng trình bày bài giảng, đa số SV cho rằng thông qua học phần, *kỹ năng dùng lời và kỹ năng viết bảng* của họ được cải thiện (có tới 50% cho các lựa chọn “rất đúng” và 45 – 47,5% cho lựa chọn “đúng”). *Định hướng bài giảng* cũng là một kỹ năng mà nhiều SV tin rằng họ biết cách sử dụng sau khi hoàn thành học phần (94,9% SV).

Đối với các kỹ năng còn lại bao gồm *nhấn mạnh trọng tâm; sử dụng bài tập, tóm tắt, tổng kết bài; trình bày và hướng dẫn học tập một cách rõ ràng, chính xác, hợp logic; sử dụng phương pháp dạy học đa dạng; cập nhật và liên hệ bài học với thực tế; phản hồi tích cực cho học sinh và nắm bắt diễn biến lớp học*, mặc dù tỉ lệ cao SV (70% - 82,5%) cho biết họ có thể vận dụng các kỹ năng đó sau khi học xong, có một tỉ lệ không nhỏ không tự tin có thể sử dụng được các kỹ năng này (22,5% - 30% SV không chắc). Đặc biệt, có tới 42,5% SV không dám chắc về việc mình *có thể nhận biết và nêu lên các nhầm lẫn thường gặp của học sinh trong bài học*. Khi yêu cầu SV cho thêm ý kiến khác để làm rõ hơn các tỉ lệ này, SV trả lời rằng thông qua học phần đã “*học tập được rất nhiều kỹ năng để chuẩn bị cho đợt thực tập sắp tới*”, tuy

nhiên cũng cho biết thêm vì “*thời lượng dành cho mỗi SV giảng trên lớp hơi ít để SV có thể rèn luyện*” và “*không có nhiều kinh nghiệm đứng lớp*” nên vẫn “*chưa cảm thấy nhuần nhuyễn và tự tin khi vận dụng các kỹ năng này*”.

Thứ ba, đối với kỹ năng đánh giá bài giảng, học phần đã đạt được thành công nhất định khi giúp SV có khả năng *tự đánh giá, nhìn ra được mặt mạnh, yếu của bản thân trong giảng dạy* (90% SV), đồng thời *xây dựng được tinh thần tiếp nhận đánh giá của đồng nghiệp* một cách tích cực đối với bài giảng của mình (87,5% SV).

Nhìn chung, từ các kết quả trên có thể đánh giá hiệu quả rèn luyện NVSP của học phần là khá tốt (với tỉ lệ SV biết vận dụng các kỹ năng là từ 58,5% đến 97,5%). Tuy nhiên vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ SV chưa tự tin hoặc không vững vàng về một số kỹ năng sư phạm đòi hỏi GV hướng dẫn và các cấp quản lý cần nỗ lực để tìm ra các biện pháp hỗ trợ về mặt thời gian và cơ sở vật chất cho việc dạy học học phần.

3.3.4. Hiệu quả của học phần

100% SV đồng ý *sẽ sử dụng những gì được học vào nghề nghiệp tương lai* cho thấy tính thiết thực của học phần. Chất lượng của học phần cũng được khẳng định thông qua tỉ lệ cao SV nhìn nhận học phần cung cấp cho họ nhiều kỹ năng dạy học (95%) và cho rằng học phần có hiệu quả trong việc rèn luyện NVSP (97,5%). Nhìn chung, đa số SV cảm thấy *thỏa mãn với chất lượng của học phần* (87,5%).

4. Kết luận và đề xuất

Từ kết quả khảo sát và các ý kiến tổng hợp, phân tích như trên, người nghiên cứu có thể đánh giá rằng học phần Tập giảng đã được tổ chức dạy học một cách khoa học, áp dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá hiện đại, đáp ứng khá tốt nhu cầu rèn luyện NVSP của SV. Do đó, GV đứng lớp cần tiếp tục phát huy những điểm tích cực trong tổ chức dạy học và hướng dẫn học phần. Tuy nhiên, hiệu quả rèn luyện NVSP của học phần vẫn còn nhiều vấn đề cần lưu tâm vì một số SV vẫn chưa tự tin trong việc vận dụng các kỹ năng dạy học. Vì thế, để chất lượng học phần được nâng lên trong những năm học sắp tới, chúng tôi có một

số kiến nghị với lãnh đạo cấp Khoa và Trường như sau: 1) Cung cấp các phòng học giảng tập với đầy đủ thiết bị như bảng phấn, máy chiếu, đồ dùng dạy học để SV tự tập giảng, tự rèn luyện NVSP. 2) Có trợ giảng hỗ trợ GV và giúp đỡ SV trong các giờ tự học. 3) Có phòng dự giờ cho SV qua truyền hình trực tiếp giờ dạy của giáo viên phổ thông ở trường Trung học thực hành (trực thuộc trường Đại học Sư phạm TPHCM) để SV có thêm kinh nghiệm thực tế về giảng dạy. Nếu làm được những điều này, hiệu quả rèn luyện NVSP sẽ được đẩy mạnh, và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tại Khoa Hóa, Đại học Sư phạm TPHCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Phương Anh (2006), “Kiểm tra đánh giá để phục vụ học tập: xu hướng mới của thế giới và bài học cho Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Viện Nghiên cứu giáo dục*, Đại học Sư Phạm TPHCM, tr. 5-15.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Công văn số 1276/BGDĐT-NG về việc hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên*, Hà Nội. Tải vào ngày 30/3/2012 từ trang web <http://www.hup.edu.vn/Content/tabid/55/nid/324/Default.aspx>
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Công văn số 9145/BGDĐT-NGCBQLGD về việc báo cáo kết quả thực hiện tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên*, Hà Nội, Tải vào ngày 30/3/2012 từ trang web <http://luatvietnam.vn/VL/667/Cong-van-9145BGDDTNGCBQLGD-cua-Bo-Giao-duc-va-Dao-tao-ve-viec-bao-cao-ket-qua-thuc-hien-to-chuc-lay-0B18D2D1-554D-421C-887F-91856A09641F/default.aspx>
4. Nguyễn Kim Dung (2009), *Đánh giá và kiểm tra, thi cử trong giáo dục Việt Nam*. Tải vào ngày 21/12/2011 từ trang web <http://ceea.ier.edu.vn/danh-gia-kiem-dinh/danh-gia/127-anh-gia-va-kim-tra-thi-c-trong-giao-dc-vit-nam>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-4-2012; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2012;
ngày chấp nhận đăng: 07-01-2013)